TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 26/8/2020
V/v Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1/ Ông Nguyễn Quốc Vinh
2/ Bà Phạm Thị Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2020/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2020, về việc "Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Tuyết Đ**; Sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: khóm A, Phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ tạm trú: xã L, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn L**; Sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm A, Phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2020 (BL01), biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2020 (BL19) cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết Đ trình bày: Vào năm 2008 bà Nguyễn Tuyết Đ và ông Nguyễn Văn L có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đi đăng ký kết hôn, sau lễ cưới bà Đ về làm dâu bên nhà chồng tại khóm A, phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng, chung sống đến năm 2016 thì bà Đ và ông L đi thành phố Hồ Chí Minh để làm công nhân, đến năm 2017 thì ông L bỏ về nhà cha mẹ ruột ông L để sống, lý do bà Đ và ông L bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã với nhau, nhận thấy tình cảm không còn, hạnh phúc hôn nhân tan vỡ. Trong quá trình chung sống với nhau có 01 người con chung tên Nguyễn Thị

Đông N, (nữ) sinh ngày 30/10/2009 hiện đang sống với bà Đ. Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, nợ chung không có.

Nay bà Đ yêu cầu Tòa giải quyết không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Đ và ông L là vợ chồng. Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Đông N, (nữ) sinh ngày 30/10/2009 tùy nguyện vọng của cháu N muốn sống với cha hay với mẹ thì người đó nuôi dưỡng, nếu sống với bà Đ thì bà đồng ý nuôi dưỡng, không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L, nhưng ông L không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Đ, đồng thời ông L cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên Tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy Nên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn không công nhận mối quan hệ chung sống giữa bà Đ và ông L là vợ chồng. Về con chung giao con chung cho bà Đ nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ về việc không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông L, nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do, bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà Đ và ông L theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết Đ và bị đơn ông Nguyễn Văn L thấy rằng: Bà Đ và ông L chung sống với nhau từ năm 2008, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng…". Tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Bà Đ và ông L chung sống với nhau từ năm 2008 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, nên theo quy định nêu trên pháp luật không công nhận bà Đ và ông L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau bà Đ và ông L có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Đông N, (nữ) sinh ngày 30/10/2009 hiện do bà Đ nuôi dưỡng và bà Đ cũng có nguyện vọng được nuôi con, nhưng do con đã lớn khôn tùy nguyện vọng của cháu Đông N muốn sống với cha hay với mẹ thì người đó nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của cháu Đông N, nếu cha mẹ không còn sống chung với nhau thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống của cháu Đông N không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà Đ. Xét thấy, bà Đ hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con và từ khi không còn sống chung cho đến nay con chung do bà Đ nuôi dưỡng nên việc bà Đ không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà Đ khẳng định để tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Đ khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bà Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết Đ với bị đơn ông Nguyễn Văn L.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Tuyết Đ và ông Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Đông N, (nữ) sinh ngày 30/10/2009 cho bà Nguyễn Tuyết Đ nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con, ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở. Ông L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Đông N của bà Nguyễn Tuyết Đ thì bà Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Bà Đ khẳng định để tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Đ khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Tuyết Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0003776, ngày 16/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng